TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 712/2024/DS-ST
Ngày: 16-9-2024
V/v tranh chấp về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Hà Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 449/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 556/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1968 (có mặt).

Thường trú: 1 L, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 96 V, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số H Tỉnh lộ 7, ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: G đường B, tổ I, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/5/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Trần Mỹ H trình bày:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/3/2021 đến ngày 10/01/2023, bà có tham gia 15 dây hụi do bà Nguyễn Thị N làm đầu thảo, hụi có lãi, cụ thể các dây hụi như sau:

Hụi mở ngày 10/3/2021, bà tham gia 05 dây, mỗi dây có 16 người tham gia, hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng bà đóng cho bà N số tiền 8.000.000 đồng, số tiền bà đã đóng cho bà N là 120.000.000 đồng. Bà N tính hụi sống còn nên bà được tiền lãi là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ 4.000.000 đồng trả tiền thảo cho bà N và tháng 6/2022 bà N có đưa bà 8.000.000 đồng, tổng số tiền bà N còn nợ bà ở dây hụi này là 138.000.000 đồng;

Hụi mở ngày 10/4/2021, bà tham gia 05 dây, mỗi dây có 16 người tham gia, hụi 2.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng bà đóng cho bà N số tiền 8.000.000 đồng, số tiền bà đã đóng cho bà N là 120.000.000 đồng. Bà N tính hụi sống còn nên bà được tiền lãi là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ 4.000.000 đồng trả tiền thảo cho bà N, tổng số tiền bà N còn nợ bà ở dây hụi này là 146.000.000 đồng;

Hụi mở ngày 05/12/2021, bà tham gia 05 dây, mỗi dây có 16 người tham gia, hụi 1.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng bà đóng cho bà N số tiền 4.000.000 đồng, bà đóng cho bà N 06 lần thì bà N vỡ hụi, số tiền bà đóng cho bà N là 24.000.000 đồng. Ngày 10/01/2023, bà N trả cho bà 15.000.000 đồng, tổng số tiền bà N còn nợ bà ở dây hụi này là 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hụi bà N còn thiếu bà là 293.000.000 đồng, bà nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N không trả. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà số tiền nợ hụi 293.000.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 26/12/2023 của Đội điều tra tổng hợp công an huyện C và bảng tường trình, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thừa nhận bà còn nợ tiền hụi bà Trần Mỹ H tổng số tiền gốc và tiền lãi 293.000.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu đồng) nhưng do bà gặp khó khăn nên bà xin trả hàng tháng khoảng 2.000.000đ (hai triệu đồng), nếu bán được đất bà sẽ thanh toán hết số tiền cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Mỹ H, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hụi quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại G đường B, tổ I, ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét bà H và bà N đều thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà N làm đầu thảo, hụi có lãi, mỗi dây hụi có 16 người tham gia, bà H không biết các dây hụi mà bà tham gia gồm có những ai, như vậy đây là giao dịch về tài sản và có lãi theo quy định tại Khoản 3 Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bà H và bà N đều xác định số tiền gốc và lãi bà N còn thiếu bà H là 293.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Điều 7 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định: "*Thỏa thuận về dây họ được thể hiện bằng văn bản"*, bà H và bà N tham gia chơi hụi nhưng không lập thành văn bản thể hiện các nội dung cụ thể theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường là vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại Khoản 2 Điều 117 của Bộ luật Dân sự, do vậy giao dịch dân sự về hụi giữa bà H và bà N là vô hiệu theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự, hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 131 của Bộ luật Dân sự thể hiện: *"...Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận"*, đồng thời tại Khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường",* trong trường hợp này, bà N là bên có lỗi, không trả tiền nợ hụi cho bà H theo đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ hụi 293.000.000 đồng là có sơ sở chấp nhận vì việc bà N không trả tiền nợ hụi cho bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Bà N xin được trả dần mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nhưng tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu bà N trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc bà N trả dần ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà H. Hội đồng xét xử xét cần buộc bà N trả cho bà H số tiền 293.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 129, Điều 131, Điều 280, Điều 471, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 7 và Điều 8 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Mỹ H, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả số tiền 293.000.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu đồng) cho bà Trần Mỹ H, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 14.650.000đ (mười bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị N phải chịu.

Trả lại cho bà Trần Mỹ H số tiền tạm ứng án phí 7.325.000đ (bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0017528 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy